BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TƯ PHÁP**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN VĂN HẬU

PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Chuyên ngành **: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm**
Mã số **: 9 38 01 05**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS Cao Thị Oanh**

2. TS. Nguyễn Khắc Hải

Phản biện 1: **GS.TS Nguyễn Xuân Yêm**

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 2: **GS.TS. Võ Khánh Vinh**

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

Phản biện 3: **TS. Hoàng Xuân Châu**

Trường Đại học Luật Hà Nội

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường, họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội

Vào hồi 14 giờ 00, ngày 10 tháng 9 năm 2026.

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện nhất quán đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng Việt Nam đang không ngừng hoàn thiện thể chế pháp luật, cải cách hành chính và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực xuất, nhập cảnh (XNC). Bên cạnh những tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tình trạng vi phạm pháp luật về XNC, trong đó có các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh (XCNC) do công dân Việt Nam (CDVN) thực hiện đã và đang đặt ra những thách thức không nhỏ cho công tác quản lý nhà nước, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực này.

Nghiên cứu thực tiễn tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy, trong 08 năm gần đây (2018 - 2025) trên toàn quốc, Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử 1.497 vụ án với 2.876 bị cáo về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện, bình quân mỗi năm có khoảng 187,3 vụ án và 359,6 bị cáo. Mặc dù, Bộ luật Hình sự chỉ dành 04 trên tổng số 21 điều luật tại Chương XXII để quy định các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nhưng thực tế nhóm tội phạm này lại chiếm tỷ trọng tương đối lớn với 21,46% tổng số vụ và 22,30% tổng số bị cáo trong nhóm Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Từ đó cho thấy, mức độ phổ biến, tính chất nghiêm trọng, phức tạp, khó lường của loại tội phạm này, đặc biệt đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa và sự bùng nổ của khoa học - công nghệ của cuộc cách mạng 4.0 hiện nay. Những thông số trên cũng phần nào phản ánh sự nỗ lực, quyết tâm của các chủ thể, lực lượng trong phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Bên cạnh các kết quả đạt được, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định ảnh hưởng đến hiệu quả, mục tiêu đặt ra như: nhận thức về trách nhiệm phòng, chống tội phạm của các chủ thể vẫn chưa có sự đồng đều; các biện pháp phòng ngừa xã hội còn thiếu tính bền vững, chưa gắn chặt với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong giải quyết việc làm, thất nghiệp, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, biên giới, miền núi; việc triển khai các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt có lúc còn bị động, thiếu chiều sâu dẫn đến những hạn chế nhất định trong phòng, chống tội phạm; cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các lực lượng có khi còn chưa kịp thời, thống nhất; hoạt động

hợp tác quốc tế vẫn còn những rào cản nhất định về chia sẻ thông tin, phối hợp trong điều tra, xử lý tội phạm... Những hạn chế trên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó tập trung vào một số nguyên nhân sau: tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế và mặt trái của nền kinh tế thị trường; những hạn chế, khó khăn về nguồn lực, lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm; bất cập, vướng mắc của hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm; sự thiếu đồng bộ, đột phá trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa chung, phòng ngừa chuyên biệt... Từ đó, đặt ra những yêu cầu cấp thiết trong tổng kết, đánh giá thực tiễn phòng ngừa, đưa ra các dự báo và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Xuất phát từ những lý do trên, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài "***Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện***" làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (PNTP) là cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần bổ sung, phát triển lý luận tội phạm học và PNTP, cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng làm cơ sở đề xuất các giải pháp tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nhằm đưa ra các dự báo và giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, nghiên cứu, hệ thống hóa và đánh giá tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Hai là, phân tích, luận giải những vấn đề lý luận cơ bản về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Ba là, khảo sát, phân tích và đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Bốn là, đưa ra dự báo và các giải pháp có tính khả thi, toàn diện nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành Tội phạm học và PNTP, với phạm vi cụ thể như sau:

Về nội dung: nghiên cứu tổng thể những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; dự báo và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Về chủ thể: nghiên cứu các chủ thể tham gia PNTP, gồm: cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; các cơ quan tư pháp; cơ quan, ban, ngành, đoàn thể...

Về không gian: nghiên cứu trong phạm vi cả nước.

Về thời gian: khảo sát, đánh giá thực tiễn phòng ngừa giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Để đạt được mục tiêu, giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tội phạm; lý luận của khoa học tội phạm học; lý luận khoa học pháp lý và các ngành khoa học liên quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phần tổng quan tình hình nghiên cứu*, với mục tiêu hệ thống hóa các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, từ đó làm rõ những vấn đề mà luận án sẽ kế thừa, bổ sung và phát triển, nghiên cứu sinh đã sử dụng phương pháp: Phương pháp lịch sử và nghiên cứu tài liệu, Phương pháp phân tích, tổng hợp.

- *Chương 1*, nhằm làm rõ những vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, luận án đã sử dụng các phương pháp

nghiên cứu sau: Phương pháp lịch sử và nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp mô tả, phương pháp so sánh.

- *Chương 2*, với mục đích đánh giá làm rõ thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp thu thập số liệu và thống kê, phương pháp phân tích, tổng hợp số liệu, phương pháp so sánh, phương pháp nghiên cứu điển hình, phương pháp chuyên gia.

- *Chương 3*, với mục đích đưa ra dự báo và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp chuyên gia, phương pháp nghiên cứu điển hình, phương pháp phân tích, dự báo khoa học.

Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác của tội phạm học và PNTP như: phương pháp quy nạp, diễn dịch; mô tả...

5. Đóng góp mới và ý nghĩa của luận án

5.1. Đóng góp mới của luận án

- *Về lý luận*, luận án có những điểm mới nổi bật sau:

Bổ sung, hoàn thiện, làm sâu sắc thêm các vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; Chỉ ra những quy định bất cập, chưa phù hợp để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện.

- *Về thực tiễn,* luận án có những điểm mới nổi bật sau*:*

Đánh giá cơ bản, toàn diện về thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: thực tiễn tình hình tội phạm; thực tiễn PNTP, làm sáng tỏ nguyên nhân của tội phạm, cũng như nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Đưa ra dự báo về tội phạm, các yếu tố tác động đến hoạt động phòng ngừa và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC trong thời gian tới.

Góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về tội phạm học và PNTP. Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc hoạch định chính sách, xây

dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến PNTP. Ngoài ra, luận án còn là công trình khoa học có giá trị tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập trong các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu.

5.2. Ý nghĩa của luận án

Ý nghĩa về lý luận: Luận án sẽ góp phần làm sáng tỏ và phát triển những vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Ý nghĩa về thực tiễn: Cung cấp bức tranh toàn diện về thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, chỉ ra nguyên nhân của tội phạm, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa loại tội phạm này. Đưa ra dự báo và các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Chương 2: Thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Chương 3: Dự báo và giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1. Tình hình nghiên cứu những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn, giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

2.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn, giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển khung lý luận và thực tiễn về PNTP nói chung, phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng, cụ thể:

Các công trình nghiên cứu trong nước, đã góp phần hình thành nền tảng lý luận tương đối toàn diện trong nghiên cứu về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện. Đáng chú ý, các nghiên cứu chuyên sâu của lực lượng Công an đã có những luận giải quan trọng trong đánh giá đặc trưng xuyên quốc gia, cơ chế tổ chức và yêu cầu hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Đây là cơ sở khoa học cần thiết để luận án kế thừa, phát triển và hoàn thiện hệ thống các luận cứ nhằm nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Các công trình nghiên cứu nước ngoài, tiếp cận vấn đề PNTP về XNC chủ yếu trong khuôn khổ nghiên cứu về "đưa người di cư trái phép", tập trung lý giải cơ chế phạm tội, khung pháp lý quốc tế, đặc điểm "vận động" của di cư bất hợp pháp và các mô hình phòng ngừa hiện đại. Qua đó, định hướng phương pháp tiếp cận, phân tích, luận giải để đưa ra các giải pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Một số hạn chế hoặc chưa thống nhất của các công trình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu trong nước, chưa hình thành một hệ thống lý luận chuyên biệt về phòng ngừa nhóm tội phạm do CDVN thực hiện được tiếp cận từ góc độ tội phạm học. Phần lớn các nghiên cứu đang dừng lại ở việc làm rõ dấu hiệu, đặc điểm trong phạm vi hẹp, gắn với một loại tội phạm hoặc chức năng của một chủ thể chuyên trách, nên chưa giải quyết được yêu cầu xây dựng khung lý luận tổng quát và mô hình phòng ngừa liên ngành đối với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Các công trình còn thiếu sự tích hợp giữa lý luận nguyên nhân của tội phạm, cơ chế kiểm soát xã hội, dự báo tội phạm và các yếu tố đặc thù của di cư quốc tế hiện nay, khiến các giải pháp phòng ngừa chưa bao quát đầy đủ tính xuyên quốc gia, tính tổ chức và động lực kinh tế - xã hội của loại tội phạm này.

Các công trình nghiên cứu nước ngoài, chủ yếu tiếp cận dưới góc độ tội phạm xuyên quốc gia, tập trung lý giải cơ chế vận hành của các mạng lưới tội phạm, đặc điểm người di cư và khuôn khổ pháp lý quốc tế, mà chưa có nghiên cứu nào trực tiếp phân tích lý luận và thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Hơn nữa, phần lớn các công trình chỉ dừng lại ở việc mô tả xu hướng, phương thức phạm tội hoặc đề xuất chính sách ở tầm khái quát, chưa đi sâu vào đặc thù kinh tế - xã hội, bối cảnh pháp lý, cấu trúc tổ chức tội phạm và yêu cầu phòng ngừa gắn với điều kiện thực thi pháp luật tại Việt Nam...

3.2. Những vấn đề luận án cần nghiên cứu hoặc tiếp tục nghiên cứu

Về lý luận, luận án nghiên cứu, làm rõ các vấn đề sau: 1) khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; 2) cơ sở, nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; 3) nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; (4) quan hệ phối hợp giữa và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Về thực tiễn, luận án cần tập trung nghiên cứu, làm rõ các nội dung sau: 1) đánh giá chính xác tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; 2) đánh giá thực tiễn tổ chức lực lượng, quan hệ phối hợp, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; phân tích, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Về định hướng giải pháp, trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn, luận án sẽ đưa ra các dự báo và xuất các giải pháp mang tính đồng bộ, khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát: Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện ở nước ta hiện nay được tổ chức và triển khai như thế nào? Cần xây dựng, triển khai những giải pháp nào để tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới?

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết:

Nhận thức như thế nào về khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện? Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện dựa trên những cơ sở, nguyên tắc nào? Phòng

ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện bao gồm những nội dung, chủ thể, biện pháp nào?

Tình hình, nguyên nhân của các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 ra sao? Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế và các biện pháp phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện diễn ra như thế nào? Có những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót gì trong phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót đó?

Dự báo về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện thời gian tới sẽ như thế nào? Cần có giải pháp nào để tăng cường phòng ngừa... trong thời gian tới?

Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu tổng quát: thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã đạt được những kết quả nhất định, phát huy được vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, biện pháp phòng ngừa. Song vẫn còn những hạn chế, thiết sót nhất định và cần có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả để tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới.

Giả thuyết nghiên cứu chi tiết:

Chưa có lý luận chuyên biệt về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đòi hỏi phải vận dụng các cơ sở lý luận chung của ngành khoa học Tội phạm học và PNTP để làm sáng tỏ, sâu sắc những vấn đề trên.

Cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về XNC là tương đối đầy đủ, nhưng cần phải được nghiên cứu, khái quát cụ thể phù hợp với thực tiễn phòng ngừa.

Chưa có những nghiên cứu toàn diện, đầy đủ, cụ thể để làm rõ tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế và thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định và cần nghiên cứu, luận giải để làm sáng tỏ nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót đó.

Thời gian tới, vẫn sẽ có những yếu tố tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Trên cơ sở các dự báo được đưa ra, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trong thực tiễn để tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.1.1. Khái niệm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là những hành vi vi phạm quy định về XCNC; tổ chức, môi giới cho người khác XCNC, trốn đi nước ngoài, trốn ở lại nước ngoài hoặc ở lại Việt Nam trái phép; cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 Bộ luật Hình sự, do XCNC có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện một cách cố ý, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực XNC mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự.

Đặc điểm tội phạm học của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện:

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện mang đặc trưng rõ nét của loại tội phạm xuyên quốc gia, diễn ra trong phạm vi không gian, địa bàn rộng, với phương thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi, phức tạp.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có mối liên hệ mật thiết với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính và các tội phạm xuyên quốc gia khác.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu tiến hành dưới hình thức đồng phạm, với xu hướng hình thành các đường dây phạm tội có tổ chức.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu vì động cơ vụ lợi.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chịu sự tác động, chi phối mạnh mẽ bởi bối cảnh, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở trong nước, khu vực và quốc tế.

- Khái niệm phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện:

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là hoạt động của các chủ thể trong xã hội nhằm nhận diện, kiểm soát, khắc phục, hạn chế và loại trừ các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm thông qua việc triển khai tổng hợp, đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, gắn với quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, phối hợp lực lượng và hợp tác quốc tế, qua đó ngăn ngừa,

hạn chế và từng bước đẩy lùi loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

1.1.2. Đặc điểm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện gắn liền với phòng ngừa các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính, tội phạm xuyên quốc gia.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể phòng ngừa.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện gắn liền với hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện gắn liền với công tác quản lý các hoạt động liên quan đến đưa CDVN ra nước ngoài.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có sự đa dạng về chủ thể, biện pháp phòng ngừa.

1.1.3. Vai trò của phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện góp phần nâng cao hiệu quả PNTP nói chung.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện góp phần củng cố nền pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

1.2. Cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.2.1. Cơ sở phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- Cơ sở chính trị phòng ngừa các tội phạm về XCNC cảnh do CDVN thực hiện.

- Cơ sở pháp lý phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

1.2.2. Nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nguyên tắc lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm.

Nguyên tắc bảo đảm sự phối hợp đồng bộ trong hoạt động ngừa tội phạm.

1.3. Nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.3.1. Nội dung phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Một là, phát hiện, hạn chế, tiến tới xóa bỏ nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Hai là, phát hiện, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện và cải tạo giáo dục người phạm tội.

1.3.2. Chủ thể và mối quan hệ giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.3.2.1. Chủ thể phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nhóm chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp...

Nhóm chủ thể trực tiếp triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: Bộ Công an; Bộ Quốc phòng...

Nhóm chủ thể phối hợp trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: Bộ Ngoại giao; Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài...

1.3.2.2 Mối quan hệ giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và công dân.

Mối quan hệ giữa Quốc hội, Hội đồng nhân dân với các cơ quan hành pháp.

Mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

1.3.3. Hợp tác quốc tế trong phòng ngừa trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.3.4. Biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Biện pháp kinh tế - xã hội.

Biện pháp văn hóa, giáo dục.

Biện pháp kiểm soát xuất nhập cảnh.

Biện pháp quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

Biện pháp điều tra, xử lý tội phạm.

Chương 2
THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

2.1. Tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.1.1. Tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- Thực trạng về mức độ của tình hình tội phạm

Tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, tác động xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại, gây thiệt hại lớn về tính mạng, tài sản của công dân. Theo số liệu thống kê giai đoạn từ năm 2018 - 2025, hệ thống Tòa án các cấp đã xét xử 1.497 vụ án với 2.876 bị cáo về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện, trung bình mỗi năm có khoảng 187,1 vụ án với 359,5 bị cáo. Cơ số trung bình chung các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện giai đoạn từ năm 2018 - 2025 là khoảng 0,28, trong đó cao nhất tại năm 2021 là 0,48 và thấp nhất tại năm 2018 là 0,08.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích dữ liệu khảo sát, có thể xác định các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện xếp ở cấp độ II. Phần ẩn của tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện xuất phát từ các nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau:

Thứ nhất, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện mang đặc trưng là loại tội phạm xuyên quốc gia có sự câu kết chặt chẽ giữa các đối tượng ở trong và ngoài nước...

Thứ hai, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, biến đổi liên tục, gây khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra của lực lượng chức năng.

Thứ ba, người được tổ chức XNC trái phép hoặc thân nhân của họ thường có tâm lý không hợp tác, thậm chí che giấu hành vi phạm tội.

Thứ tư, những hạn chế trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm.

Thứ năm, một bộ phận hành vi các tội phạm về XNC bị "ẩn nguồn" trong các tội phạm xuyên quốc gia hoặc các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính khác.

Thứ sáu, hạn chế trong công tác thống kê tội phạm là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc nhận diện đầy đủ, chính xác tình hình tội phạm.

- Thực trạng về tính chất của tình hình tội phạm

Cơ cấu theo tội danh: tội phạm này lại chiếm một tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính: chiếm 21,46% về số vụ án và 22,30% về số bị cáo.

Về hình thức phạm tội, thực hiện chủ yếu dưới hình thức đồng phạm chiếm 79,43% tổng số vụ, trong khi các vụ phạm tội mang tính cá nhân, đơn lẻ chỉ chiếm 20,57%.

Về phương thức, thủ đoạn phạm tội: các đối tượng chủ yếu lựa chọn phương thức bí mật để tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép, thông qua đường mòn, lối mở (chiếm 57,59%), bên cạnh đó là các tuyến đường biển (5,70%), đường sông (3,16%) và các phương thức kết hợp, trung chuyển (4,75%)...

Về phương thức, thủ đoạn liên lạc, môi giới: phần lớn các đối tượng sử dụng phương tiện điện tử... để thực hiện tội phạm chiếm tỷ lệ rất cao (95,56% tổng số vụ)...

Về địa bàn phạm tội: loại tội phạm này thường diễn ra trên phạm vi rộng, liên quan đến nhiều địa bàn...

Về nước xuất cảnh, trốn đi nước ngoài trái phép: các đối tượng tổ chức, môi giới cho người khác XNC, trốn đi hoặc trốn ở lại nước ngoài trái phép thường lựa chọn các quốc gia thuộc khu vực Châu Á (chiếm 65,19%)...

Động cơ phạm tội: động cơ vụ lợi là yếu tố chi phối thực hiện các tội phạm về XNC chiếm tỷ lệ cao nhất 94,79% tổng số bị cáo và chỉ có 5,21% bị cáo thực hiện tội phạm với động cơ khác.

Hình phạt: hình phạt chính được áp dụng chủ yếu với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là hình phạt tù có thời hạn...

Đặc điểm nhân thân người phạm tội...

- Diễn biến của tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Diễn biến tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 có sự biến động phức tạp, khó lường. Cụ thể, số vụ án và số bị cáo có xu hướng gia tăng dần trong giai đoạn từ năm 2018 - 2021, từ 56 vụ, 73 bị cáo năm 2018 lên 74 vụ, 129 bị cáo năm 2019, tăng đột biến

trong các năm 2020 - 2021, đạt đỉnh vào năm 2021 với 390 vụ, 745 bị cáo. Tuy nhiên, từ năm 2022 - 2025 xu hướng này bắt đầu giảm dần, với 318 vụ, 680 bị cáo năm 2022 và giảm sâu xuống còn 157 vụ, 337 bị cáo vào năm 2025.

2.1.2. Nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nguyên nhân từ điều kiện vị trí địa lý, tự nhiên.

Điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn và tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường.

Nguyên nhân từ tác động của quá trình toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của khoa học, công nghệ.

Hạn chế trong nhận thức của người dân về chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực xuất nhập cảnh.

Nguyên nhân từ sự gia tăng lưu lượng người XCNC.

Lợi ích kinh tế cao và rủi ro pháp lý thấp là yếu tố thúc đẩy các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Nguyên nhân từ phía người được tổ chức xuất nhập cảnh trái phép.

2.2. Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.2.1. Thực tiễn tổ chức lực lượng trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- Chỉ đạo hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp...

- Triển khai phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: Lực lượng Quản lý XNC - Bộ Công an; Lực lượng Bộ đội Biên phòng - Bộ Quốc phòng; Tòa án nhân dân...

- Phối hợp trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: Chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao, các Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài...

2.2.2. Thực tiễn hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Xây dựng, tham gia các điều ước, thỏa thuận quốc tế trên lĩnh vực XNC.

Hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin trên lĩnh vực XNC.

Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và trang bị cơ sở vật chất - kĩ thuật.

Hợp tác trong phòng, chống, giải quyết các vụ việc phức tạp.

2.3. Thực tiễn tổ chức các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.3.1. Biện pháp kinh tế - xã hội

Biện pháp kinh tế - xã hội đã góp phần giảm thiểu, hạn chế các nguyên nhân là "gốc rễ" của các tội phạm về XNC, đóng vai trò quan trọng trong phòng, chống tội phạm, thúc đẩy phòng ngừa xã hội. Tuy nhiên, trước những tác động, mặt trái của nền kinh tế thị trường, những biến động lớn về tình hình kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước thì cần có nhiều chính sách đột phá, trọng tâm, trọng điểm hơn nữa để góp phần giảm thiểu bền vững các tội phạm về XNC, đáp ứng tình hình phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

2.3.2. Biện pháp văn hóa - giáo dục

Thời gian qua, các cơ quan, ban ngành đã quán triệt nghiêm túc các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Các lực lượng chuyên trách đã phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông từ Trung ương đến địa phương đăng tải hàng nghìn tin, bài phản ánh về tình hình vi phạm pháp luật về XNC, tập trung khai thác các khía cạnh âm mưu, phương thức thủ đoạn mới đưa người XNC trái phép...

2.3.3. Biện pháp kiểm soát xuất nhập cảnh

Tiến hành kiểm soát hộ chiếu, giấy tờ của người, phương tiện qua lại cửa khẩu; kiểm tra, đối chiếu người XCNC với danh sách đối tượng cấm nhập cảnh, đối tượng chưa được phép XNC theo quy định của pháp luật; giám sát, quản lý công dân XCNC và những người được phép ra, vào khu vực kiểm soát XNC; thu thập thông tin về tình hình hoạt động XCNC, quá cảnh và tình hình liên quan tại cửa khẩu; chủ động phát hiện, điều tra, xử lý các vi phạm pháp luật, trong đó có các tội phạm về XNC...

2.3.4. Biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự

Các lực lượng chuyên trách trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đã tổ chức, triển khai biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động XNC của XCNC như: công tác quản lý cư trú; quản lý XCNC; quản lý các ngành, nghề, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đưa người ra nước ngoài.

2.3.5. Biện pháp điều tra, xử lý các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Các chủ thể chuyên trách trong phòng, chống tội phạm về XNC đã tiến hành đồng bộ các lực lượng, phương tiện, biện pháp (biện pháp thu thập

chứng cứ, biện pháp điều tra, biện pháp ngăn chặn...) để điều tra, xử lý các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện...

2.4. Kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.4.1. Kết quả đạt được trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Các chủ thể phòng ngừa, đặc biệt là các chủ thể chuyên trách trong phòng ngừa đã kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước về XNC, kịp thời tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành, triển khai các chủ trương, chính sách với nhiều nội dung trọng tâm, chiến lược liên quan đến công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Chủ động, kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước, đồng thời, sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước, phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XNC.

Các lực lượng chuyên trách trong phòng, chống các tội phạm về XNC đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, ban ngành, chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về XNC với nhiều hình thức phong phú, đa dạng...

Qua việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, đã xác định rõ đặc điểm, phương thức, thủ đoạn phạm tội của các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, xác định các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm được các đối tượng thường xuyên khai thác, tổ chức các hoạt động tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, làm rõ các các yếu tố là nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC...

Các lực lượng chuyên trách đã triển khai đồng bộ các biện pháp điều tra, đấu tranh có trọng tâm, trọng điểm nhằm phát hiện, xử lý hiệu quả các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành và với chính quyền địa phương để chủ động phát hiện, ngăn chặn và vô hiệu hóa hành vi vi phạm ngay từ giai đoạn sớm, từ xa, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống

chính trị, quần chúng nhân dân trong phòng, chống tội phạm, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Công tác hợp tác quốc tế trong quản lý XNC, quản lý di cư được tiến hành rộng rãi với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế, trên nhiều phương diện như: tham mưu xây dựng, tham gia các điều ước quốc tế và các văn bản hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XNC; hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin về XNC; hợp tác giải quyết các vụ việc liên quan đến lĩnh vực XNC; hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực và trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý XNC…

Công tác phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về XNC nói chung, phòng ngừa các tội phạm về XNC nói riêng đã được củng cố, hoàn thiện tốt hơn. Bước đầu xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế phối hợp giữa các lực lượng liên quan đến công tác phòng, chống các tội phạm về XNC.

2.4.2. Hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Hạn chế trong nhận thức của các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Hạn chế trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa xã hội trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện:

Biện pháp kinh tế - xã hội: Quy mô của các chương trình còn nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững và chưa có sự liên kết, đồng bộ dẫn đến hiệu quả chưa cao; chính sách giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội đã được chú trọng nhưng chưa loại trừ được các nguy cơ phát sinh từ quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sự thiếu gắn kết giữa các biện pháp kinh tế - xã hội với các chính sách phòng, chống tội phạm...

Biện pháp văn hóa, giáo dục trong phòng ngừa loại tội phạm này, mặc dù được triển khai rộng rãi song vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định: hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống các tội phạm về XNC còn chưa được quan tâm đúng mức, mang tính hình thức, thiếu trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt đối với các nhóm đối tượng có nguy cơ bị lôi kéo tham gia vào các đường dây XNC trái phép. Bên cạnh đó, chưa hình thành được các mô hình điểm, chuyên đề chuyên sâu gắn với những đối tượng đặc thù; Hoạt động vận động, tuyên truyền thường mang tính ngắn hạn, chưa tập trung vào nhóm trọng điểm...

Hạn chế trong triển khai các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với các ngành, nghề, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động đưa công dân ra nước ngoài còn chưa được tiến hành thường xuyên, dẫn đến nhiều cá nhân, tổ chức còn lợi dụng các danh nghĩa công khai, hợp pháp để tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép.

Công tác điều tra, đấu tranh xử lý đối với các tội phạm vẫn còn bộc lộ những hạn chế, vướng mắc nhất định trong thực hiện các biện pháp ngăn chặn, truy tìm, truy xét. Công tác tiếp nhận điều tra đối với các tội phạm về XNC vẫn chủ yếu được phát hiện qua công tác tuần tra, kiểm soát, quản lý hành chính...

Hạn chế, thiếu sót trong phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Một số ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài chưa thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu; một số vụ án, còn chưa có quan điểm thống nhất giữa các cơ quan trong đánh giá chứng cứ, định tội danh; việc trao đổi thông tin về đối tượng, đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép giữa các lực lượng chức năng, địa phương còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả công tác điều tra, PNTP này chưa đạt hiệu quả cao...

Hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng ngừa vẫn còn bộc lộ những khó khăn, vướng mắc nhất định: sự khác biệt về hệ thống pháp luật liên quan đến xác định, xử lý vi phạm pháp luật về XNC, các quy định về dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự thiếu hướng dẫn cụ thể và sự không đồng bộ trong áp dụng pháp luật giữa các quốc gia trong thực hiện các hiệp định song phương, đa phương liên quan đến phòng, chống tội phạm này; hạn chế trong trao đổi, chia sẻ thông tin, phối hợp điều tra giữa các quốc gia...

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nguyên nhân từ phương thức, thủ đoạn phạm tội trong lĩnh vực XNC cho thấy sự biến đổi ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp và khó lường gây trở ngại lớn cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Nguyên nhân từ sự phân tán, chia cắt trong quản lý nhà nước, kiểm soát XNC tại cửa khẩu đã làm nảy sinh những vấn đề bất cập, khó khăn trong phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Nguyên nhân từ sự thiếu hụt về số lượng, sự không đồng đều trong trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chuyên trách, cùng với tác động từ công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy đã tạo ra những khó khăn, hạn chế nhất định cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Nguyên nhân từ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho công tác phòng ngừa, đấu tranh các tội phạm về XNC vẫn còn bộc lộ nhiều khoảng trống, thiếu đồng bộ và chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn phòng, chống tội phạm.

Việc triển khai các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện còn chưa phát huy được tối đa vị trí, vai trò và tạo được sự đột phá, hiệu quả trong thực tiễn phòng, chống tội phạm.

Quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện còn bộc lộ nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XNC vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động, thường xuyên.

Chương 3
DỰ BÁO VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

3.1. Dự báo

3.1.1. Cơ sở của dự báo

Một số cơ sở dự báo phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện:

Số liệu về tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được nghiên cứu, khảo sát, đánh giá trên phạm vi cả nước, trong thời gian (2018 - 2025) là cơ sở khoa học quan trọng để đưa ra các dự báo về quy luật phát sinh, tồn tại, vận động của tội phạm.

Quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, cùng với bối cảnh kinh tế, chính trị - xã hội trong nước và quốc tế.

Những thông tin khác có liên quan đến công tác dự báo như: thông tin về các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội, xu thế quốc tế hóa tội phạm; thông tin về hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong phòng ngừa; thông tin khác liên quan đến khả năng, mức độ hợp tác giữa Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong phòng, chống tội phạm...

3.1.2. Nội dung của dự báo

- Dự báo tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Thời gian tới, tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn sẽ diễn biến theo chiều hướng phức tạp, khó lường cả về quy mô, tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng.

Về phương thức, thủ đoạn liên lạc, môi giới, bên cạnh những phương thức truyền thống, cùng với sự tiến bộ, phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ các đối tượng sẽ gia tăng, đẩy mạnh khai thác các nền tảng xã hội, mạng Internet để thực hiện tội phạm

Về địa bàn phạm tội, thời gian tới các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ tiếp tục diễn ra trên một phạm vi rộng, với tính chất xuyên tỉnh, xuyên vùng và xuyên quốc gia.

Đối tượng phạm tội, vẫn sẽ có sự đa dạng về thành phần xã hội, trình độ học vấn, động cơ và khuynh hướng phạm tội khác nhau của từng loại nhóm đối tượng.

Đặc điểm nhân thân người phạm tội, CDVN thực hiện các tội phạm về XNC chủ yếu xuất phát từ động cơ vụ lợi, gắn liền với nhu cầu tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập...

- Dự báo về nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Thứ nhất, các điều kiện về vị trí địa lý - tự nhiên, mang tính khách quan tiếp tục tồn tại như một "điều kiện nền khách quan" của tội phạm này, tạo ra những khó khăn, thách thức không nhỏ trong công tác kiểm soát XNC.

Thứ hai, nguyên nhân về kinh tế - xã hội được dự báo vẫn giữ vai trò chi phối trong cơ cấu động cơ phạm tội của loại tội phạm này.

Thứ ba, hạn chế về nhận thức pháp luật, kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống và khả năng tự bảo vệ của một bộ phận người dân vẫn là một trong những nguyên nhân để nhóm đối tượng này dễ bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây XNC trái phép...

Thứ tư, lợi ích kinh tế cao và rủi ro pháp lý tương đối thấp vẫn là một trong những nhân tố quan trọng khi nói về nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

- Dự báo về hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Về thuận lợi: Công tác phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể, trong đó là vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách trong phòng, chống tội phạm.

Các lực lượng chuyên trách trong quản lý XNC sẽ tiếp tục tăng cường đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực này chủ động, từ sớm, từ xa.

Công tác nâng cao trình độ, nhận thức và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ chuyên trách trong phòng, chống các tội phạm về XNC ngày càng được quan tâm, chú trọng.

Về khó khăn, các tội phạm về XNC sẽ tiếp tục triệt để lợi dụng các chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế để gia tăng thực hiện tội phạm với tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm, bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới.

Những mâu thuẫn xã hội nảy sinh từ chính quá trình phát triển kinh tế - xã hội (thất nghiệp, thiếu việc làm..) đặt ra nhiều thách thức cho công tác phòng, chống tội phạm.

Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách trong quản lý nhà nước, phòng ngừa các tội phạm trên lĩnh vực XNC vẫn bộc lộ những bất cập cả về cơ chế lẫn thực tiễn triển khai.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho công tác PNTP vẫn còn những khoảng trống, nhiều điểm bất cập, vướng mắc.

Phương thức, thủ đoạn các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp với nhiều phương thức, thủ đoạn mới.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã và đang tác động sâu rộng, mang lại cả những cơ hội và thách thức cho công tác phòng ngừa loại tội phạm này.

Quan hệ hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm vẫn sẽ còn gặp phải những tồn tại hạn chế trong phối hợp, trao đổi, thông tin...

3.2. Giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

3.2.1. Kiện toàn, nâng cao trình độ, nhận thức cho lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Thứ nhất, kiện toàn lực lượng chuyên trách trong quản lý, kiểm soát về XNC phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, PNTP trên lĩnh vực XNC.

Thứ hai, nâng cao nhận thức, trình độ cho các lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực xử phạt hành chính về XNC do CDVN thực hiện.

Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự liên quan đến xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến chức năng, thẩm quyền Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

Hoàn thiện các quy định pháp luật khác tạo cơ sở pháp lý cho công tác phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

3.2.3. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa chung nhằm loại trừ các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Thực hiện hiệu quả các biện pháp kinh tế - xã hội nhằm triệt tiêu nguyên nhân gốc rễ của các tội phạm về CNC do CDVN thực hiện.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

3.2.4. Nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về XNC của CDVN.

Tăng cường điều tra, xử lý các các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát xuất nhập cảnh.

3.2.5. Tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Tăng cường phối hợp lực lượng phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Tăng cường hợp tác quốc tế phòng ngừa các tội phạm về XNC.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở hệ thống hóa, phân tích toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, luận án đã tiếp cận, giải quyết cơ bản các nội dung nghiên cứu đặt ra, góp phần bổ sung, phát triển lý luận, thực tiễn về PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện nói riêng, thể hiện rõ nét trên một số phương diện sau:

Thứ nhất, về phương diện lý luận, luận án đã xây dựng, luận giải khái niệm, đặc điểm, vai trò của phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trên nền tảng lý luận của khoa học tội phạm học, PNTP và các ngành khoa học liên quan. Đồng thời, xác định các nguyên tắc, cơ sở và nội dung phòng ngừa, đặc biệt là vai trò hệ thống của các biện pháp phòng ngừa tạo lập cơ sở khoa học vững chắc cho việc tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện lý luận tội phạm học trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn, luận án đã khảo sát, phân tích thực trạng phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cho thấy bức tranh tương đối toàn diện về tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện giai đoạn từ năm 2018 - 2025 ngày càng diễn biến phức tạp cả về quy mô, tính chất, thủ đoạn, đặc biệt với xu hướng hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC xuyên quốc gia. Công tác PNTP này có sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp giữa các lực lượng và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định, xuất phát từ các nguyên nhân khác nhau như: những hạn chế, vướng mắc từ hệ thống pháp luật là cơ sở cho công tác phòng, chống tội phạm; sự thiếu hụt về lực lượng, tương đồng về trình độ chuyên môn; hoạt động phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế một số thời điểm, lực lượng còn chưa chặt chẽ, đồng bộ; việc triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa chuyên biệt còn chưa phát huy đúng vai trò, tạo được sự đột phá, hiệu quả trong thực tiễn. Đây là những luận cứ thực tiễn quan trọng để đưa ra dự báo và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Thứ ba, về phương diện dự báo và giải pháp, luận án đã đưa ra các nội dung dự báo, trong đó xác định: các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với các phương thức, thủ đoạn mới ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp. Công tác phòng ngừa tội loại tội phạm này bên cạnh những thuận lợi vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ bối cảnh hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học công nghệ, cũng như những hạn chế nội tại trong công tác phòng ngừa. Trên cơ sở đánh giá thực trạng phòng ngừa và từ các cơ sở, nội dung của dự báo tội phạm, luận án đã đưa ra các giải pháp toàn diện, đồng bộ nhằm tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này: nâng cao năng lực, nhận thức và kiện toàn lực lượng chuyên trách trong PNTP; hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động PNTP; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục; nâng cao hiệu quả biện pháp phòng ngừa chuyên biệt; tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong PNTP. Các giải pháp này không chỉ mang giá trị thực tiễn mà còn có ý nghĩa lâu dài trong việc kiến tạo nền tảng chiến lược cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Từ các kết quả nghiên cứu cho thấy, luận án đã giải quyết cơ bản các nhiệm vụ đặt ra và đưa ra hệ thống giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới. Tuy vậy, do giới hạn về thời gian và phạm vi nghiên cứu, luận án không tránh khỏi những hạn chế nhất định, đặc biệt trong việc đi sâu phân tích các tác động từ yếu tố toàn cầu hóa, di cư trái phép trong mối quan hệ với các loại tội phạm xuyên quốc gia, các vấn đề an ninh phi truyền thống. Tuy nhiên, đây cũng sẽ là những định hướng nghiên cứu tiếp theo cần được triển khai nhằm luận giải sâu sắc mối quan hệ đa chiều giữa di cư, tội phạm và các vấn đề an ninh phi truyền thống, các tội phạm xuyên quốc gia.

Có thể khẳng định, luận án *"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện"* đã đạt được những kết quả có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, góp phần bổ sung, phát triển khoa học tội phạm học và PNTP, mang ý nghĩa thiết thực trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Những kết luận, phát hiện và giải pháp được đưa ra trong luận án nếu được áp dụng đồng bộ, toàn diện sẽ là cơ sở quan trọng để hạn chế, tiến tới đẩy lùi các nguyên nhân phát sinh tội phạm, đồng thời nâng cao hiệu quả phòng, chống với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Trần Văn Hậu (2024), "Một số vướng mắc trong định tội danh về tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép và tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (04), tr. 16-20.
2. Trần Văn Hậu (2024), "Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (11), tr. 20-22.
3. Trần Văn Hậu (2025), "Công tác điều tra, xử lý các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh - thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (02), tr. 48-53.
4. Trần Văn Hậu (2025), "Giải pháp phòng chống các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện", *Tạp chí Kiểm sát*, (05), tr. 3-10.
5. Trần Văn Hậu (2025), "Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (11), tr. 44-48.
6. Trần Văn Hậu (2026), "Cơ sở pháp lý của hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuất nhập cảnh tại Việt Nam: thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Law and Legislation*, tr. 247-251.